

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 01/12/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+RP3	7:25	18+1	0+0		8+14	0+0	
2		P4+P5	7:25	20+2	0+0		20+2	0+0	
3		P11+P1+P7	7:25	4+14+3	0+0+0		0+14+8	0+0+0	chuyen 3 p1- p7
4		HST+TGTH1+AMD	7:00	4+2+13	0+0+0		3+3+13	0+0+0	
5		RC3+P7	9:25	3+16	0+0		1+21	0+0	
6		P3+P10+BK8	9:25	15+6+0	0+0+0		8+1+13	0+0+0	chuyen 3 p3- p10
7		TD3+P5	9:25	6+11	0+0		0+22	0+0	
8		P4+P3	11:25	16+0	0+0		9+13	0+0	
9		AMD+P4	11:25	10+4	0+0		4+18	0+0	
10		P1+RC5+RC6	11:25	11+5+0	0+0+0		15+5+2	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/12/2023	TO: TD2 - RP3	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Linh - MTHAO - Huy	ETA: 09:20
cam-1			

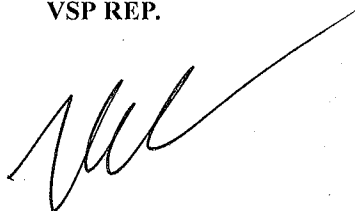
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG THAI VIET	TD2	88	1	12		74	DVL	Vietnamese
2	NGUYEN TRUONG SINH	TD2	87	1	8		70	DVL	Vietnamese
3	NGUYEN DUNG	TD2	97	1	13		58	DVL	Vietnamese
4	VO CHI THANH	TD2	86	1	6	36	70	DVL	Vietnamese
5	NGUYEN NAM HAI	TD2	98-99	2	15		78	DVL	Vietnamese
6	DONG HOANG DUC	TD2	20-21	2	18		74	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN CHI THANH	TD2	80-81	2	15		55	XAYLAP	Vietnamese
8	LE VAN THU	TD2	17	1	12	20	80	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAM VAN CUONG	TD2	94-95	2	11		68	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN XUAN DUC	TD2	93	1	16		75	XAYLAP	Vietnamese
11	BUI SON HAI	TD2	18-19	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
12	VU DINH HUNG	TD2	16	1	4	15	63	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN VAN LOC	TD2	78	1	15	12	60	XAYLAP	Vietnamese
14	BUI HONG SANG	TD2	49	1	16		97	XAYLAP	Vietnamese
15	DANG VAN DAN	TD2	96	1	7		63	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN HONG QUAN	TD2	4000,600	2	12		58	XAYLAP	Vietnamese
17	HOANG VAN THANG	TD2	91-92	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
18	VO ANH TUAN	TD2	82	1	7	14	63	XAYLAP	Vietnamese
19	BUI NGOC TU	RP3	32-33	2	9		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	18	25	220	1.231	97	8		
2	RP3	1	2	9	70	0	14		
TOTAL		19	27	229	1.301	97	22		
WEIGHT KG				229	1.301	97			

GRAND TOAL: 1.627 KGS

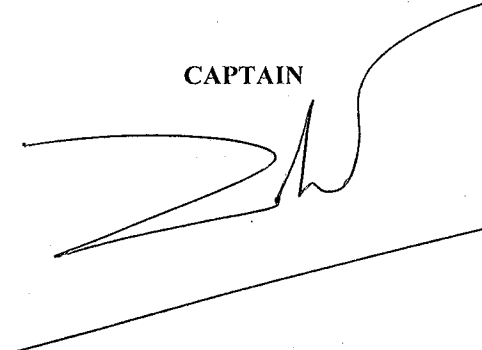
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 2	TO: P4 - P5	CREW: ĐỨC - TĐông - DSon	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÕ DUY TOÀN	P4	55	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN DUY THAI	P4	45	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VIỆT BĂNG	P4	42-43	2	12		68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH QUAN	P4	48-49	2	7	25	72	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẠO ĐỨC HÙNG	P4	38	1	3	15	53	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM THAI SƠN	P4	46	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM VĂN HOÀNG	P4	51	1	10		83	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HOÀNG VINH	P4	61	1	9		77	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN SƠN	P4	59-60	2	20		67	YTE	Vietnamese
10	BUI MINH TUẤN	P4	47	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NHÂN HAI	P4	56	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN NGỌC TUẤN	P4	54	1	8		55	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU HÀ	P4	67-68	2	20		72	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ HOÀNG LONG	P4	52	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TOÀN	P4	40	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HOÀNG	P4	41	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN SƠN	P4	50	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
18	CHU VĂN ĐẠT	P4	53	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ VĂN BA	P4	44	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐAM VĂN QUANG	P4	39	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN NAM	P5	19	1	8		72	YTE	Vietnamese
22	BUI VĂN BÁC	P5					76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	20	24	155	1.354	40	20		
2	P5	2	1	8	148	0	2		
TOTAL		22	25	163	1.502	40	22		
WEIGHT KG				163	1.502	40			

GRAND TOAL: 1.705 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/12/2023	TO: P11 - P1 - P7	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: HUNG - HTrung - Toan	ETA: 09:25
vang-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH THIÊN TÙNG	P11	01-02	2	19		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN VIỆT	P11	04	1	8	35	75	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN TUẤN ANH	P11	03	1	10		66	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN SANG	P11	05-06	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese
5	BABKIN A	P1	97	1	5		100	KH-THAC	Russian
6	KISELEV	P1	99	1	5		100	KH-THAC	Russian
7	VŨ XUÂN QUÝ	P1	200	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN KIM CƯỜNG	P1	95	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN TRUNG CHÍNH	P1					60	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM THANH TÀI	P1	60	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THẾ VINH	P1	96	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ KIÊN TRUNG	P1	98	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ ĐÌNH PHÚC	P1	75,59	2	17		60	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ QUANG MINH	P1	72	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TRUNG HIỆU	P1	71	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
16	TẠ QUỐC VIỆT	P1	25,61	2	10		64	YTE	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN KHUÊ	P1	69-70	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HOANG ANH TUẤN	P1	73-74	2	10		66	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG VĂN TRUNG	P7	29	1	10		70	YTE	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN PHÒNG	P7	28	1	5	40	67	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	P7	92-93	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	4	6	56	286	35	0		CHUYEN 01 PAX TU PI SANG P7
2	P1	14	17	96	1.060	0	14		
3	P7	3	4	27	202	40	8		
TOTAL		21	27	179	1.548	75	22		
WEIGHT KG				179	1.548	75			

GRAND TOAL: 1.802 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 07:00
FLIGHT: 4	TO: HST - TGTH1 - AMD	CREW: MMinh - Nam	ETA: 09:00
Xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MẠNH HÙNG	HST	18-19	2	18		82	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN NHẠ	HST	16	1	11		62	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ THANH TÙNG	HST	20	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VIỆT THẮNG	HST	17	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
5	NGÔ QUANG HUÂN	TGTH1	41	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG VĂN GIANG	TGTH1	42	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
7	HỒ ANH QUỐC	AMD	64	1	2		72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN THANH	AMD	78	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN SANH	AMD	65	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM THANH HÙNG	AMD	76-77	2	11		59	KH-THAC	Vietnamese
11	DUƠNG VĂN ĐÔNG	AMD	67	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG TRUNG KIẾN	AMD	68-69	2	8		68	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT LÂM	AMD	70	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN MINH ĐỨC	AMD	66	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
15	RAGUNATHAN SELVARAJAN	AMD	81-82	2	15		84	BAB	Malaysian
16	TRẦN ĐỨC TRUNG	AMD	71-72	2	7		59	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ ANH MINH	AMD	75	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN GIA DINH	AMD	79-80	2	15		74	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ MẠNH HÀ	AMD	73-74	2	12		87	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HST	4	5	45	278	0	3		
2	TGTH1	2	2	12	144	0	3		
3	AMD	13	19	100	908	0	13		
TOTAL		19	26	157	1.330	0	19		
WEIGHT KG				157	1.330	0			

GRAND TOAL: 1.487 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: PPD - P9 - P4	CREW: TUYỀN - Son - NNam	ETA: 09:20
xanh-1			

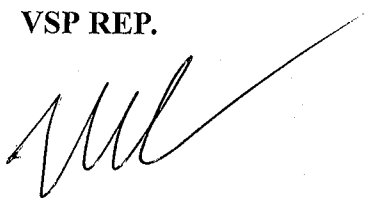
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LAM QUANG NAM	PPD	05	1	10	45	80	KHI	Vietnamese
2	HOANG MINH HIEU	PPD	08	1	6		72	KHI	Vietnamese
3	ĐINH THE QUAN	PPD	07	1	4		69	KHI	Vietnamese
4	BUI THANH HAI	PPD	01	1	3		65	KHI	Vietnamese
5	PHẠM ĐỨC TUÂN	PPD	04	1	5		68	KHI	Vietnamese
6	TRẦN ĐỨC DUY	PPD	02	1	7		68	KHI	Vietnamese
7	VÕ TẠ QUANG	PPD	06	1	5		69	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN VỊNH	PPD	03	1	5		75	KHI	Vietnamese
9	TRAN TRONG PHONG	PPD	12-13	2	15		75	Y TE	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG TÂM	P9	21	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN DUY KHUÔNG	P4	90	1	5		87	KHI	Vietnamese
12	LÊ VĂN HUƠNG	P4	91	1	5		66	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN BẠCH DƯƠNG	P4	08-09	2	6		73	KHI	Vietnamese
14	HOÀNG ĐỨC LÂM ANH	P4	10	1	5		79	KHI	Vietnamese
15	LUƠNG TUÂN CHUNG	P4					77	KHI	Vietnamese
16	PHẠM VĂN QUYỀN	P4	06-07	2	15		76	KHI	Vietnamese
17	ZHURBIN N. B.	P4	89	1	6		94	KHI	Russian
18	NGUYỄN MINH CANG	P4	11	1	5		77	KHI	Vietnamese
19	HOÀNG VĂN HÙNG	P4					75	KHI	Vietnamese
20	TẠ VĂN QUYNH	P4					75	KHI	Vietnamese
21	VŨ NGỌC TUÂN	P4	93	1	7		83	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN CHIẾN CÔNG	P4	92	1	5		70	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

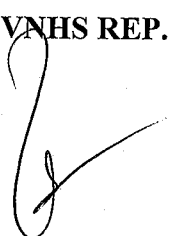
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	9	10	60	641	45	6		
2	P9	1	1	7	65	0	1		
3	P4	12	11	59	932	0	15		
TOTAL		22	22	126	1.638	45	22		
WEIGHT KG				126	1.638	45			

GRAND TOAL: 1.809 KGS

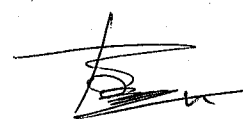
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/12/2023	TO: RC4 - RP3	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: ĐỨC - KHÁI - D Sơn	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NGỌC DANH	RC4	47-48	2	22		64	XAYLAP	Vietnamese
2	CAO VĂN MẠNH	RC4	44	1	5	22	66	XAYLAP	Vietnamese
3	BUI VĂN THOẠI	RC4	24-25	2	22	30	62	XAYLAP	Vietnamese
4	LUU QUY DUNG	RC4	43	1	16		57	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN CHI HIỆU	RC4	49	1	5		76	PSV	Vietnamese
6	HOÀNG THANH HÒA	RP3	49-50	2	11		60	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI VĂN HUNG	RP3					78	KHI	Vietnamese
8	TU NGOC HAI	RP3	52-53	2	8		75	KHI	Vietnamese
9	NGÔ THANH LAM	RP3	51	1	3	78	65	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TÂN	RP3					64	KHI	Vietnamese
11	LANH TRUNG ĐÔNG	RP3	46	1	4		64	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC ANH	RP3	55	1	4		74	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN TRUNG KIẾN	RP3	61	1	3		65	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH HÀ	RP3	47	1	4		85	KHI	Vietnamese
15	HOÀNG VĂN CHIẾN	RP3	54	1	3		65	KHI	Vietnamese
16	PHẠM DUY DUNG	RP3					75	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN DUY NAM	RP3	59-60	2	17		63	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC HÀ	RP3	57-58	2	15		94	KHI	Vietnamese
19	MA VĂN THĂNG	RP3	56	1	6		63	KHI	Vietnamese
20	ĐAM VĂN HUNG	RP3	48	1	6		50	KHI	Vietnamese
21	VŨ BAO THANH	RP3	62-63	2	21		80	NIPI	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH MINH	RP3	64	1	5		56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

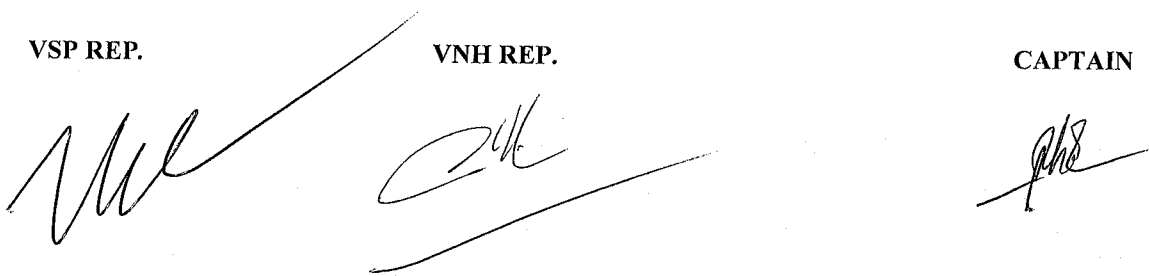
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	5	7	70	325	52	1		
2	RP3	17	19	110	1.176	78	21		
TOTAL		22	26	180	1.501	130	22		
WEIGHT KG				180	1.501	130			

GRAND TOAL: 1.811 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/12/2023	TO: TD3 - PPD	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Sơn - N Nam	ETA: 11:40
DO-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DEMIN YURIY	TD3	98	1	9		100	KHOAN	Russian
2	NGUYEN VAN THUAN	TD3	99,200	2	17		67	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC THU	PPD	35	1	4		65	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN ĐỨC NGỌC	PPD	36	1	5		67	KHI	Vietnamese
5	HUYNH NAM LONG	PPD	23	1	8		70	KHI	Vietnamese
6	PHUNG VAN CHINH	PPD	30	1	5		80	KHI	Vietnamese
7	PHẠM HỒNG THAI	PPD	33	1	4		65	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN TRỌNG ĐẠI NGHĨA	PPD	31	1	7		77	KHI	Vietnamese
9	ĐOÀN DUY HÙNG	PPD	24	1	5		91	KHI	Vietnamese
10	ĐẶNG VĂN BAN	PPD					82	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN XUAN HUYNH	PPD	28-29	2	10		52	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN ĐỨC HÒA	PPD	34	1	6		75	KHI	Vietnamese
13	TRẦN SƠN HAI	PPD	27	1	6		74	KHI	Vietnamese
14	HOANG HUY TIEN	PPD	25-26	2	10		58	KHI	Vietnamese
15	PHẠM VĂN SƠN	PPD	39-40	2	10		54	KHI	Vietnamese
16	ĐỖ VĂN TÚ	PPD	32	1	6		62	KHI	Vietnamese
17	VÔ VĂN THUẬN	PPD	41-42	2	14		50	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN VAN THANH	PPD	43-44	2	20		60	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN VAN TRUONG	PPD	37-38	2	12		57	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN VAN LINH	PPD	45-46	2	6		45	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	2	3	26	167	0	0		
2	PPD	18	24	138	1.184	0	22		
TOTAL		20	27	164	1.351	0	22		
WEIGHT KG				164	1.351	0			

GRAND TOAL: 1.515 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/12/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP1+TD1	7:25	8+14	0+0		6+16	0+0	
2		CLO+RP2	9:25	17+3	0+0		16+6	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: RP1 - TD1	CREW: Dương - MTHAO - Huy	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHÙNG QUỐC VIỆT	RP1	09	1	13		80	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN HỮU MINH	RP1	10	1	18		81	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN VIỆT TOÀN	RP1	14	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐO TIẾN MẠNH	RP1	15-16	2	18		75	XAYLAP	Vietnamese
5	PHAN ĐĂNG HUÂN	RP1	17	1	5	20	78	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN TRUNG QUYÊN	RP1	07-08	2	18	52	67	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐÀO VĂN KHÔI	RP1	11	1	10		55	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	RP1	12-13	2	9		100	PSV	Vietnamese
9	VŨ VĂN KIẾN	TD1	62	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ TÚ NAM	TD1	54-55	2	6		75	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT CHUÔNG	TD1	51	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
12	HÀ MINH TUÂN	TD1	59	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
13	VŨ ĐÌNH PHONG	TD1	65	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM ĐÔI	TD1	50	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN BAO	TD1	56	1	7		82	KHOAN	Vietnamese
16	ĐINH VĂN ĐIỀN	TD1	53	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM ĐĂNG NINH	TD1	60	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
18	ĐOÀN VĂN KHÁNH	TD1	57-58	2	8		75	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN VĂN SANG	TD1	63	1	3		64	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN PHÚ	TD1	64	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN PHI HÙNG	TD1	61	1	15		85	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN AI	TD1	52	1	4		53	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	8	11	101	608	72	6		
2	TD1	14	16	75	999	0	16		
TOTAL		22	27	176	1.607	72	22		
WEIGHT KG				176	1.607	72			

GRAND TOAL: 1.855 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/12/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 02	TO: CLO - RP2	CREW: Dương - MTHAO - Huy	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN SI LONG	CLO	25	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN VAN VINH	CLO	18	1	8	35	70	KHOAN	Vietnamese
3	LAM XUAN TU	CLO	19	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN PHU VINH	CLO	13	1	6		58	KHOAN	Vietnamese
5	VU HAI LONG	CLO	15-16	2	10		72	KHOAN	Vietnamese
6	LE VIET HUNG	CLO	28	1	12		66	KHOAN	Vietnamese
7	Dinh Van Thong	CLO	21	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN HOANG TRUONG	CLO	26	1	6		76	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN TRUNG KIEN	CLO	22	1	3		53	KHOAN	Vietnamese
10	TU QUOC VIET	CLO	27	1	12		63	KHOAN	Vietnamese
11	LE VAN TUAN	CLO	11-12	2	6		68	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN DOAN SUU	CLO	14	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
13	PHAN KHAC MINH	CLO	23-24	2	9		89	KHOAN	Vietnamese
14	VU HONG DUNG	CLO	20	1	2		80	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN THANG	CLO					82	KHOAN	Vietnamese
16	VU MANH HUONG	CLO	50	1	6		52	PSV	Vietnamese
17	TRAN XUAN TRUONG	RP2	03	1	9		75	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYEN DINH KHA	RP2	01	1	8		65	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYEN NAM HOANG	RP2	02	1	15	102	55	CODIEN	Vietnamese
20	LE TRUONG CHINH	RP2	12-14	3	15		62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	16	18	99	1.119	35	15		
2	RP2	4	6	47	257	102	6		
TOTAL		20	24	146	1.376	137	21		
WEIGHT KG				146	1.376	137			

GRAND TOAL: 1.659 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

Liệu VSP